

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST

Ngày: 06-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trương Nguon.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Bảo Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST - HS ngày 27 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/HSST-QĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Bùi Thị L (Tên gọi khác: L), sinh năm 1979, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1941; chồng: Lê Minh V, sinh năm 1978 (ly hôn năm 2003), Cao Văn T, sinh năm 1972 (ly thân năm 2005), con: Lê Minh C, sinh năm 1999 và Cao Bùi Tấn H, sinh năm 2004; hiện nay đang sống chung như vợ chồng với Hồ Thanh V, sinh năm 1972, tại ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; tiền án, tiền sự: chưa. Bị tạm giữ ngày 20/12/2019, chuyển tạm giam ngày 23/12/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Trần Thị L, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Nguyễn Đào N, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Cao Bùi Tấn H, sinh ngày 17/7/2004

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người giám hộ: Nguyễn Quang T, sinh năm 2000 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Hồ Thanh V, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Long H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 13/10/2019, bị cáo Bùi Thị L đến nhà chị L chơi. Đến khoảng 12 giờ 30 cùng ngày khi chị L và người nhà không cảnh giác, bị cáo L vào phòng chị L thấy áo khoác móc trên tường, bị cáo L kiểm tra phát hiện có tiền, nên bị cáo L lấy áo khoác đi ra con kênh phía sau nhà chị L lấy tiền bỏ vào túi quần và ném áo khoác xuống kênh rồi trở vào nhà. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày bị cáo L đi về; trên đường về bị cáo L kiểm tra số tiền vừa trộm được là 9.600.000 đồng và một số tiền lẻ.

Về vật chứng thu giữ: 01 áo tay dài (loại áo khoác nữ) bằng vải, có họa tiết màu hồng sọc trắng, phía trước áo có hai túi áo ở hai bên trái và phải, cả hai túi áo đều có dây kéo khóa, mỗi túi có kích thước (12,5x19,5)cm và 01 hộp nhựa (loại hộp đựng vàng) màu cam, có đường kính 6,7cm, cao 2,8cm, một mặt có chữ “VAN TIEN PLASTIC”, một mặt có chữ “ VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ”. Cơ quan cảnh sát điều tra -Công an huyện Gò Công Tây đã trả lại cho chị Trần Thị L là chủ sở hữu.

Theo kết luận định giá tài sản số 146/ KL-HĐĐGTTTHS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Gò Công Tây xác định:

- 01 áo tay dài (loại áo khoác nữ) bằng vải, có họa tiết màu hồng sọc trắng, phía trước áo có hai túi áo ở hai bên trái và phải, cả hai túi áo đều có dây kéo khóa, mỗi túi có kích thước (12,5x19,5)cm, giá trị 50.000 đồng.

- 01 hộp nhựa (loại hộp đựng vàng) màu cam, có đường kính 6,7cm, cao 2,8cm, một mặt có chữ “VAN TIEN PLASTIC”, một mặt có chữ “ VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ”, giá trị 00 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo L đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho chị L, số tiền còn lại 7.890.000 đồng bị cáo đã nhờ anh Hồ Thanh V bồi thường xong cho chị L. Chị L đã nhận đủ tiền, không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKSGCT ngày 26/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây truy tố bị cáo Bùi Thị L, về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây giữ quyền công tố giữ y quan điểm về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy

tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Thị L thời hạn tù bằng thời gian tạm giam 04 tháng 16 ngày; tính từ ngày tạm giữ 20/12/2019.

- Về vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản xong, nên không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm số tiền 9.890.000 đồng của chị L để tiêu xài cá nhân. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, là có tội; bị cáo ăn năn, hối cải; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Tại phiên tòa, người bị hại Trần Thị L trình bày: Bị cáo L đã bồi thường xong cho chị L 9.890.000 đồng, chị L đã nhận lại xong tài sản; không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời khai của bị cáo; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đào N, Nguyễn Quang T (giám hộ của Cao Bùi Tấn H), Hồ Thanh V đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập dự phiên tòa đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt. Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai tại Cơ quan điều tra và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là phù hợp với Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo; cụ thể, bị cáo đã trộm số tiền 9.890.000 đồng của chị L để tiêu xài cá nhân. Lời khai nhận tội của bị cáo được đối chiếu phù hợp với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã

truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, là có tội; ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Xét hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ; đồng thời gây mất an ninh, trật tự xã hội tại địa phương; nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Số tiền bị cáo L trộm của chị Liễu là 9.890.000 đồng; nên bị cáo L phạm tội thuộc trường hợp trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Xét về nhân thân: Bị cáo là người đã thành niên, đang trong độ tuổi lao động; có khả năng nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Do đó, cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xét thấy rằng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã khắc phục xong hậu quả, bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặc khác bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo khó khăn; nên cần áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Xét 01 áo tay dài (loại áo khoác nữ) bằng vải, có họa tiết màu hồng sọc trắng, phía trước áo có hai túi áo ở hai bên trái và phải, cả hai túi áo đều có dây kéo khóa, mỗi túi có kích thước (12,5x19,5)cm và 01 hộp nhựa (loại hộp đựng vàng) màu cam, có đường kính 6,7cm, cao 2,8cm, một mặt có chữ “VAN TIEN PLASTIC”, một mặt có chữ “VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ”; quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L là chủ sở hữu xong, nên không xem xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Xét người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Tây, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Điều 136, 292, 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

- Phạt bị cáo Bùi Thị L 04 (bốn) tháng 16 (mười sáu) ngày tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/12/2019.

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, do thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

2. Về án phí: Bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo L và người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan CSĐT – Công an huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Bị cáo;
- Người bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu